AASCN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009, trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của sở giao dịch chứng khoán TP.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, 144 Châu Văn Liêm, P.11, Q.5, TP.HCM.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào cần phải điều chỉnh hoặc công bố Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát từ ngày 01/01/2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Nam Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban	
Ông Trần Văn Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2010
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	
Bà Trần Thụy Đông Thy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

Nguyễn Tiến Sĩ
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số: 55./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 12/01/2011 và được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2009 của công ty được phát hành dưới dạng báo cáo kiểm toán có điểm hạn chế trong xử lý kế toán: Trong năm 2009 Công ty chưa phản ánh các khoản doanh thu từ hoạt động môi giới, hoạt động tài chính và các chi phí thành lập doanh nghiệp phát sinh đến ngày 31/12/2009. Các doanh thu và chi phí này đã được phản ánh trong năm 2010 vì đến ngày 05/01/2010 công ty mới đủ điều kiện đi vào hoạt động.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các hướng dẫn kế toán áp dụng tại công ty chứng khoán, các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**22.983.961.310**	**28.370.468.807**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**9.684.149.595**	**28.086.742.007**
1. Tiền	111		9.684.149.595	28.086.742.007
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.673.778.715**	**32.926.800**
1. Trả trước cho người bán	132		44.056.000	32.926.800
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134	V.12	3.658.570.772	-
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03	7.971.151.943	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.626.033.000**	**250.800.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.033.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	1.604.000.000	250.800.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**9.913.206.870**	**8.638.715.140**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**7.094.095.411**	**5.162.726.310**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	4.368.004.414	1.915.354.044
- Nguyên giá	222		4.806.461.238	1.915.354.044
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(438.456.824)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	2.726.090.997	-
- Nguyên giá	228		2.973.520.900	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(247.429.903)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	3.247.372.266
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.819.111.459**	**3.475.988.830**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.501.686.640	3.163.708.830
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	125.144.819	120.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		192.280.000	192.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**32.897.168.180**	**37.009.183.947**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A . NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.492.575.468**	**2.009.183.947**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**4.492.575.468**	**1.542.487.780**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		127.784.372	900.281.440
3. Người mua trả tiền trước	313		1.105.501.452	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	265.484.751	42.533.350
5. Phải trả người lao động	315		10.625.000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.10	246.800.300	-
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2.733.688.142	77.010.000
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		200	-
9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		2.691.251	522.662.990
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**466.696.167**
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.11	-	466.696.167
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	V.13	**28.404.592.712**	**35.000.000.000**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**28.404.592.712**	**35.000.000.000**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(6.595.407.288)	-
II. Nguồn kinh phí	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**32.897.168.180**	**37.009.183.947**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			50,00	50,00
6. Chứng khoán lưu ký	006		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		-	-
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		62.338.910.000	
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		747.000.000	
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1.090.800.000	
6.6 Chứng khoán phong toả chờ rút	032		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		-	-
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		375.800.000	
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	084		-	-

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Thị Trúc	Lê Thị Hồng Hạnh	Nguyễn Tiến Sĩ

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**3.646.255.182**	-
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		746.784.876	-
- Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
- Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		2.899.470.306	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**3.646.255.182**	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**		**4.244.638.803**	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	**20**		**(598.383.621)**	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**5.997.023.667**	-
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(6.595.407.288)**	-
8. Thu nhập khác	**31**		-	-
9. Chi phí khác	**32**		-	-
10. Lợi nhuận khác	**40**		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(6.595.407.288)**	-
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	VI.1	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(6.595.407.288)**	-

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Thị Trúc	Lê Thị Hồng Hạnh	Nguyễn Tiến Sĩ

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế			***(6.595.407.288)***	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		685.886.727	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.899.470.306)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***(8.808.990.867)***	-
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(12.999.196.734)	(596.006.800)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.483.391.521	2.009.183.947
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		639.989.190	(3.163.708.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(18.684.806.890)***	***(1.750.531.683)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.617.255.828)	(5.162.726.310)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn	25		-	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi từ hợp tác đầu tư	27		2.899.470.306	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***282.214.478***	***(5.162.726.310)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	***35.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(18.402.592.412)**	**28.086.742.007**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**28.086.742.007**	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**9.684.149.595**	**28.086.742.007**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Thị Trúc	Lê Thị Hồng Hạnh	Nguyễn Tiến Sĩ

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009, trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của sở giao dịch chứng khoán TP.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, 144 Châu Văn Liêm, P.11, Q.5, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 25/03/2009 đến 31/12/2009.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Cải tạo, nâng cấp văn phòng	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm
- TSCĐ vô hình khác	08 năm

Ngày 29/12/2009 Công ty mới chính thức trở thành thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Trong năm tài chính 2009, toàn bộ chi phí đầu tư mua sắm tài sản được xem là chi phí đầu tư ban đầu và được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2010.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí của năm 2009 (trong thời gian trước khi được cấp giấp chứng nhận là thành viên giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh). Toàn bộ chi phí này Công ty chỉ mới ghi nhận là chi phí thành lập doanh nghiệp và được phân bổ trong vòng 3 năm bắt đầu từ 2010.

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	10.812.219	23.042.317
Tiền gửi ngân hàng	9.126.782.797	28.063.699.690
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	546.554.579	-
Cộng	**9.684.149.595**	**28.086.742.007**

2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán	-	-
b) Của nhà đầu tư	**14.143.130**	**400.970.523.000**
- Cổ phiếu	14.118.970	400.793.999.000
- Trái phiếu	-	
- Chứng khoán khác	24.160	176.524.000
Cộng	**14.143.130**	**400.970.523.000**

3. Các khoản phải thu khác	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	7.971.041.943	-
Phải thu khác	110.000	-
Cộng	**7.971.151.943**	-

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	1.604.000.000	250.800.000
Cộng	**1.604.000.000**	**250.800.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCD hữu hình				
Số dư đầu năm	**821.715.854**	**221.242.775**	**872.395.415**	**1.915.354.044**
Số tăng trong năm	**345.234.813**	**2.471.649.881**	**74.222.500**	**2.891.107.194**
Bao gồm:				
- Mua sắm mới		*19.426.770*	*74.222.500*	*93.649.270*
- ĐTXDCB hoàn thành	*345.234.813*	*2.452.223.111*	-	*2.797.457.924*
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**1.166.950.667**	**2.692.892.656**	**946.617.915**	**4.806.461.238**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số tăng trong năm	**110.559.117**	**212.867.198**	**115.030.509**	**438.456.824**
- Khấu hao trong năm	110.559.117	212.867.198	115.030.509	438.456.824
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**110.559.117**	**212.867.198**	**115.030.509**	**438.456.824**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				-
Tại ngày đầu năm	**821.715.854**	**221.242.775**	**872.395.415**	**1.915.354.044**
Tại ngày cuối năm	**1.056.391.550**	**2.480.025.458**	**831.587.406**	**4.368.004.414**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý	TSCĐVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	**2.938.498.900**	**35.022.000**	**2.973.520.900**
Bao gồm:			
- Mua sắm mới	*1.273.760.500*	*35.022.000*	*1.308.782.500*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*1.664.738.400*	-	*1.664.738.400*
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**2.938.498.900**	**35.022.000**	**2.973.520.900**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	-	-	
Số tăng trong năm	**246.335.466**	**1.094.438**	**247.429.903**
- Khấu hao trong năm	*246.335.466*	*1.094.438*	*247.429.903*
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**246.335.466**	**1.094.438**	**247.429.903**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	**2.692.163.435**	**33.927.563**	**2.726.090.997**

Ngày 29/12/2009 Công ty mới chính thức trở thành thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Trong năm tài chính 2009, toàn bộ chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định hữu hình và vô hình được xem là chi phí đầu tư ban đầu và được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2010.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí thuê văn phòng	235.490.640	353.235.960
Chi phí lương nhân viên và các chi phí nhân viên khác	1.472.447.517	1.871.850.150
Chi phí tư vấn phần mềm	331.333.333	245.000.000
Chi phí điện thoại, thông tin liên lạc, website	206.771.614	310.157.421
Công cụ dụng cụ xuất dùng	171.313.435	256.968.001
Chi phí khác	84.330.101	126.497.298
Cộng	**2.501.686.640**	**3.163.708.830**

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí của năm 2009 (trong thời gian trước khi được cấp giấp chứng nhận là thành viên giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh). Toàn bộ chi phí này Công ty chỉ mới ghi nhận là chi phí thành lập doanh nghiệp và được phân bổ trong vòng 3 năm bắt đầu từ năm 2010.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền nộp ban đầu	125.144.819	120.000.000
Cộng	**125.144.819**	**120.000.000**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân	265.484.751	42.533.350
Cộng	**265.484.751**	**42.533.350**

10. Chi phí phải trả	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước tiền lương tháng 13	217.902.515	-
Trích trước phí giao dịch tháng 12	10.376.282	-
Trích trước hoa hồng môi giới	18.521.503	-
Cộng	**246.800.300**	**-**

11. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Doanh thu chưa thực hiện (*)	-	466.696.167
Cộng	**-**	**466.696.167**

(*) Là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ 25/03/2009 đến 31/12/2009 và phí môi giới ngày 31/12/2009, Công ty kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng kho	-	-	-	508.693.043.127	505.034.472.355	3.658.570.772	-	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	*323.460.461.000*	*321.776.185.000*	*1.684.276.000*	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	-	-	-	*185.232.582.127*	*183.258.287.355*	*1.974.294.772*			
3. Phải thu khác	-	-	-	32.367.641.595	24.396.489.652	7.971.151.943	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư				*32.326.929.720*	*24.355.887.777*	*7.971.041.943*			
- Phải thu khác				*40.711.875*	*40.601.875*	*110.000*			
Cộng	**-**	**-**	**-**	**541.060.684.722**	**529.430.962.007**	**11.629.722.715**	**-**	**-**	**-**

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	6.595.407.288	(6.595.407.288)
Cộng	**35.000.000.000**	**-**	**6.595.407.288**	**28.404.592.712**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.595.407.288)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(6.595.407.288)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	2.009.183.947	1.542.487.780	(466.696.167)
- Người mua trả tiền trước	466.696.167	-	(466.696.167)
Nợ dài hạn	-	466.696.167	466.696.167
- Doanh thu chưa thực hiện	-	466.696.167	466.696.167

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	0,70	0,77
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,30	0,23
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	0,14	0,05
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	0,86	0,95
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,12	18,39
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,16	18,23
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(1,81)	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(0,20)	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	(0,23)	-

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Thị Trúc	Lê Thị Hồng Hạnh	Nguyễn Tiến Sĩ

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2011